

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THIẾT BỊ Y TẾ THÀNH CÔNG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THIẾT BỊ Y TẾ THÀNH CÔNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THANH CONG MEDICAL EQUIPMENT SERVICES AND TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: THANH CONG MEDICAL

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109317037

**3. Ngày thành lập:** 20/08/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Nhà số 02 Lô N8D khu tái định cư X2A, Phường Yên Sở, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0981486288

Fax:

Email: [thietbiyethanhcong@gmail.com](mailto:thietbiyethanhcong@gmail.com) Website: m

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                          | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa;<br>Môi giới mua bán hàng hóa; (Trừ hoạt động đấu giá)                                                                         | 4610        |
| 2.  | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn thực phẩm chức năng;<br>- Bán buôn thực phẩm bảo vệ sức khỏe;<br>- Bán buôn thực phẩm dinh dưỡng y học;                                              | 4632        |
| 3.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                   | 4633        |
| 4.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế;<br>Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>(Nghị định 155/2018/NĐ-CP; Nghị định 54/2017/NĐ-CP); | 4649        |
| 5.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế, vật tư tiêu hao trong lĩnh vực y tế                                                                  | 4659(Chính) |
| 6.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp.<br>Bán buôn hóa chất trong lĩnh vực y tế                                              | 4669        |
| 7.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                                             | 4620        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                       |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 8.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                                                                                                        | 4631 |
| 9.  | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                  | 4711 |
| 10. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                    | 4719 |
| 11. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                     | 4721 |
| 12. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ thực phẩm chức năng;<br>- Bán lẻ thực phẩm bảo vệ sức khỏe;<br>- Bán lẻ thực phẩm dinh dưỡng y học                                                                          | 4722 |
| 13. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                        | 4723 |
| 14. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. | 4772 |
| 15. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                      | 4781 |
| 16. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                        | 4933 |
| 17. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>(Trừ kinh doanh bất động sản)                                                                                                                                                                                          | 5210 |
| 18. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết:<br>- Gửi hàng;<br>- Giao nhận hàng hóa;                                                                                                                                              | 5229 |
| 19. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                      | 5610 |
| 20. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng<br>(không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, quán bar, vũ trường)                                                                                                         | 5621 |
| 21. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                                                                  | 5629 |
| 22. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                               | 5630 |
| 23. | Quảng cáo<br>(Không bao gồm quảng cáo thuốc lá)                                                                                                                                                                                                       | 7310 |
| 24. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                              | 7320 |
| 25. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                             | 8230 |
| 26. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh                                                                                                                   | 8299 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 27. | Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng<br>Chi tiết: Sản xuất thiết bị y tế theo Điều 12 Nghị định số 36/2016/NĐ-CP; Khoản 4, Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 169/2018/NĐ-CP)<br>(Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định pháp luật) | 3250 |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: \_\_\_\_\_ Giới tính: \_\_\_\_\_  
 Sinh ngày: \_\_\_\_\_ Dân tộc: \_\_\_\_\_ Quốc tịch: \_\_\_\_\_  
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: \_\_\_\_\_  
 Số giấy chứng thực cá nhân: \_\_\_\_\_  
 Ngày cấp: \_\_\_\_\_ Nơi cấp: \_\_\_\_\_  
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: \_\_\_\_\_  
 Chỗ ở hiện tại: \_\_\_\_\_

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN TRỌNG ĐẠT Giới tính: *Nam*  
 Chức danh: *Giám đốc*  
 Sinh ngày: *14/02/1985* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*  
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Hộ chiếu Việt Nam*  
 Số giấy chứng thực cá nhân: *B6394548*  
 Ngày cấp: *12/06/2012* Nơi cấp: *Cục quản lý xuất nhập cảnh*  
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Xóm 2, Thị trấn Ba Sao, Huyện Kim Bảng, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam*  
 Chỗ ở hiện tại: *Phòng A14-05, tầng 14 tòa A, Tòa nhà Hateco, Phường Yên Sở, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội